

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐỒNG NAI**
Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/09/2025
“ *V/v Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Hồng Năm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Thùy Dương
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Sỹ Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST- HNGĐ ngày 22/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Pha L, sinh năm 1999. CCCD số 84199009866 do Cục C về TTXH cấp ngày 06/12/2023. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp A, xã P, tỉnh Vĩnh Long). Địa chỉ liên hệ: đường N, phường C, TP ., tỉnh Bình Dương (Nay là NF3, tổ A, khu phố G, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1996. CCCD số: 075096023518 do Cục C về TTXH cấp ngày 06/12/2023. Địa chỉ: 9, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Nay là: 92/6, ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai).

- Người làm chứng: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông T, bà S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Thạch Thị Pha L trình bày:*

Vào tháng 02 năm 2025, bà và ông T tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn. Nhưng chưa tổ chức lễ cưới thì đã phát sinh mâu thuẫn do đạo bà và ông T khác nhau nên hai gia đình xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được nên bà và ông T

chưa tổ chức lễ cưới thì chia tay. Vì vậy, bà có nói ông T ra ký đơn cho bà nhưng ông T không chịu ra Tòa, nói bà muốn làm gì thì làm. Nay nhận thấy bà và ông T không còn tình cảm và chưa tổ chức lễ cưới mới đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn là ông Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

- Tại bản tự khai người làm chứng Bà Thạch Thị S trình bày: Năm 2025 con bà là Thạch Thị Pha L tìm hiểu với ông Lê Văn T và đi đăng ký kết hôn, nhưng chưa cưới và chưa sống chung với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Bà đã chứng kiến từ tháng 3 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, nên hai gia đình không tổ chức lễ cưới. Vì vậy nay bà cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho con bà được ly hôn với ông T.

I. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn ông Lê Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, TAND khu vực 5 – Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 28 BLTTDS 2015.

- Về việc xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng: chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Vì vậy, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của bà L là nguyên đơn và ông T là bị đơn trong vụ án là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS 2015.

- Về thu thập chứng cứ: Đúng quy định của pháp luật theo Điều 97 BLTTDS 2015.

- Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Thực hiện đúng các quy định từ Điều 208 đến Điều 211.

- Về tổ chức phiên hòa giải: ông T được triệu tập họp lần thứ 2 để tham gia phiên hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

- Về tạm đình chỉ vụ án: Tòa án không tạm đình chỉ.

- Việc áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) hoặc không áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) biện pháp khẩn cấp tạm thời (nếu có): Không có

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 21/5/2025 Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 05/9/2025, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS 2015.

- Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Đúng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS 2015.

- Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng: Đúng quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 BLTTDS.

- Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

II. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Pha L và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 28/02/2025 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Từ những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thu thập được, nhận thấy:

Sau khi đăng ký kết hôn ông bà chưa sống chung nhưng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông bà đã không còn liên lạc với nhau từ tháng 3/2025 cho đến nay. Bà L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông T. Bản thân ông T đã được tổng đạt giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và tham gia phiên hoà giải nhưng ông T vẫn vắng mặt, điều này cho thấy ông cũng không có thiện chí níu kéo hôn nhân với bà L.

Xét thấy hôn nhân của ông bà đã không còn hạnh phúc, đời sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: cho bà Thạch Thị Pha L ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Thạch Thị Pha L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn T. Ông T có nơi cư trú tại số I, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Nay là: 92/6, ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai) nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng ông Lê Văn T không đến làm việc và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho ông T theo quy định. Ngày 22/9/2025 Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt nên hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Ngày 30/9/2025, ông T vắng mặt, bà L, bà S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

3.1 Về quan hệ hôn nhân: vào tháng 02 năm 2025, bà L và ông T tìm hiểu nhau và đi đăng ký kết hôn vào ngày 28/2/2025 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A, xã P, tỉnh Vĩnh Long) được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 28/02/2025 nên xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi đăng ký kết hôn thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L và ông T bất đồng quan điểm, đồng thời do đạo của bà L và ông T khác nhau nên hai gia đình xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được nên bà và ông T chưa tổ chức lễ cưới thì chia tay. Bà và ông T không còn liên lạc với nhau từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Đồng thời lời khai người làm chứng là bà S cũng xác nhận việc này. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L ông T là có thật, ông bà chưa tổ chức lễ cưới đã chia tay, thực tế cũng chưa chung sống với nhau nên cuộc sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T cũng không muốn hòa giải. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị Pha L là có cơ sở nên chấp thuận.

3.2 Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết,

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Thạch Thị Pha L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ sang án phí. Theo biên lai thu tiền số 0013235 ngày 19 tháng 05 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Pha L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Pha L được ly hôn với ông Lê Văn T.

3. Về con chung: Không có.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Thạch Thị Pha L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ sang án phí. Theo biên lai thu tiền số 0013235 ngày 19 tháng 05 năm 2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 5- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 5 - Đồng Nai - THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Phong Phú, tỉnh Vĩnh Long (số 14 ngày 28 /02/2025);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Hồng Năm